

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang.**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Văn Liên.

2/ Ông Nguyễn Văn Lam.

Thư ký phiên tòa: **Bà Nông Thị Thu Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: **Bà Lê Trịnh Xuân Trang** - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt L, sinh năm 1975

Địa chỉ: 57 N, TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

(Hiện đã mất tích theo quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ)

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 3, TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Việt L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau một thời gian dài chung sống tại TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ, có 03 con chung thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do tính tình và cách sống không hòa hợp. Đến đầu năm 2010 bà T đã bỏ nhà đi một thời gian, đến tháng đầu năm 2017 có quay về địa phương, sau đó đến tháng 10/2017 thì bà T bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức gì. Ông L đã áp dụng tất cả các biện pháp tìm kiếm; xác minh tại Công an thị trấn K, huyện K; yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nhưng không rõ bà T ở đâu.

Do đó ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích theo quy định. Ngày 24/3/2021 Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích theo quyết định số 03/2021/QĐST-VDS. Từ đó cho đến nay bà T vẫn không trở về địa phương. Nay để ổn định cuộc sống, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà T có 03 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 11/11/2003; cháu Nguyễn Vy T1, sinh ngày 24/12/2005 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/02/2009. Cả 03 cháu hiện vẫn sống cùng với ông nên ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T hiện đã mất tích theo quyết định số 03/2021/QĐST-VDS ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà T, giao các con chung cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét qua đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt L, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Việt L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Linh và bà T là vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Bà Nguyễn Thị T bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017. Đến năm 2021 ông L có yêu cầu tuyên bố bà T mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố bà T mất tích đến nay bà T không về địa phương.

Tại phiên tòa, ông L xác định không còn tình cảm gì với bà T nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa hai người không hợp pháp, hiện bà T cũng đã mất tích theo quyết định của Tòa án nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn

nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Việt L và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu trợ cấp nuôi con từ bà T. Xét thấy yêu cầu của ông L là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu T1 và cháu T2 nên HĐXX chấp nhận giao con cho ông thu nuôi và bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng về nội dung vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Việt L và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 11/11/2003; cháu Nguyễn Vy T1, sinh ngày 24/12/2005 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 25/02//2009 cho ông Nguyễn Việt L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Việt L và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Không ai được quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Việt L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002814 ngày 11 tháng 5 năm 2021.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang